**NHIỆM VỤ: KIỂM TRA GIỮA KÌ I TOÁN 7**

**NHÓM 2**

***(TÂN THẠNH)***

**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/****Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá** (4-11) | **Tổng % điểm** (12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Số hữu tỉ** | Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ | 12 |  |  | 2(2đ) |  |  |  |  | **80%** |
| Các phép tính với số hữu tỉ |  |  |  |  |  | 2(2đ) |  | 1 (1đ) |
| **2** | **Hình học trực quan** | Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương | 2 |  |  | 1(1đ) |  |  |  |  | **20%** |
| Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **16****(4,0 đ)** |  |  | **3****(3,0 đ)** |  | **2****(2,0 đ)** |  | **1****(1,0 đ)** | 22**(10 đ)** |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** |  |

**B. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Số hữu tỉ** | Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ | **Nhận biết:**– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ.– Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.– Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.**Thông hiểu:**– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.**Vận dụng:**– So sánh được hai số hữu tỉ. | 7(TN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12) | 2(TL 17, 18) |  |  |
| **Phép tính với số hữu tỉ** | **Vận dụng:**– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)***gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).**Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ. |  |  | 2(TL19) | 1(TL21) |
| **2** | **Hình học trực quan** | Hình hộp chữ nhật. Hình lập phương | ***Nhận biết***Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.***Thông hiểu***– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...). | 2(TN 13, 14) | 1(TL20) |  |  |
| Hình lăng trụ đứng tam giác. Hình lăng trụ đứng tứ giác | ***Nhận biết***– Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).***Vận dụng*** Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. | 2(TN 15, 16) |  |  |  |
| **Tổng** |  | **16** | **3** | **2** | **1** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

**C. ĐỀ MINH HỌA**

**GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 7**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4 điểm)**

**Câu 1: (Nhận biết)** Số -5 $\frac{2}{3}$ được viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{-10}{3}$ B. $\frac{2}{3}$ C. $\frac{2}{0}$ D. 1 $\frac{2}{3}$

Câu 2: **(Nhận biết)** Trong các cách viết sau, cách viết nào thể hiện phân số:

A. $\frac{-0,5}{3}$ B. $\frac{-15}{3}$ C. $\frac{-17}{3}$ D. $\frac{17}{3}$

Câu 3: **(Nhận biết)** Số đối của $\frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{-2}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{-3}{2}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 4: **(Nhận biết)** Phân số $\frac{2}{9}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,2 B. 0,22 C. 0,222 D. 0,(2)

Câu 5: **(Nhận biết)** Viết số thập phân 0,2(3) dưới dạng phân số:

A. $\frac{23}{100}$ B. $\frac{23}{10}$ C. $\frac{7}{30}$ D. $\frac{7}{3}$

**Câu 6**: **(Nhận biết)** Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là:

A. $N$ B. $Z$ C. $Q$ D. $N^{\*}$

**Câu 7: (Nhận biết)** Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống: $\frac{-7}{3} $ $Q$

A. $\in $ B. $\notin $ C. $⊂$ D. =

**Câu 8 : (Nhận biết)** Trên trục số, số hữu tỉ âm được biểu diễn nằm về phía :

A. Bên phải trục số B. Bên trái trục số

C. Bên phải tia số D. Bên trái tia số

**Câu 9 : (Nhận biết)** Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống : $\frac{-3}{5} $ $\frac{1}{5}$

A. > B. < C. = D. $\leq $

Câu 10: **(Nhận biết)** Điểm A trên trục số biểu diễn số hữu tỉ nào:

****

**A. -2 B. 2 C.** $\frac{-2}{3} $ D. $\frac{2}{3} $

Câu 11 : **(Nhận biết)** Phân số $\frac{- 3}{100}$ được viết dưới số thập phân là:

A. -0,3 B. -0,03 C. 0,3 D. 0,03

**Câu 12: (Nhận biết)** Điền kí hiệu thích hợp vào ô trống: $Z$ $Q$

A. $\in $ B. $\notin $ C. $⊂$ D. =

**Câu 13:** Hình hộp chữ nhật có số đỉnh là:

A. 5 đỉnh B. 6 đỉnh C. 7 đỉnh D. 8 đỉnh

**Câu 14:** Cho hình 1**.** Mặt bên của hình lăng trụ đứng tứ giác là:



 **Hình 1**

A. Hình tam giác B. Hình chữ nhật

C. Hình vuông D. hình bình hành

**Câu 15:** Số dường chéo của hình lập phương là:

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Câu 16:** Cho hình 2. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là:



 **Hình 2**

A. Hình tam giác B. Hình chữ nhật

C. Hình vuông D. hình bình hành

**PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 17 :** (Thông hiểu) (1 điểm)So sánh hai phân số :

a) $\frac{-1}{5}$ và $\frac{-2}{3}$

b) - 0,6 và $\frac{-2}{3}$

**Câu 18** : (Thông hiểu) (1 điểm)Viết mỗi số thập phân sau dưới dạng phân số tối giản :

a) – 1,28

b) 0,1(35)

**Câu 19** : (Vận dụng) ( 1 điểm)Tính :

a) $\left(0,25- \frac{5}{6}\right)$.1,6 + $\left(\frac{-1}{3}\right)$

b) 4. $\left(\frac{-1}{2}\right)^{2}$ - $\left(-0,1\right)^{3} $: $\frac{1}{5^{3}}$

**Câu 20 :** Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật có kích thước đáy lần lượt là: 8 cm; 10 cm; 24 cm.

**Câu 21:** Trong đợt tri ân khách hàng, một cửa hàng bán xe đạp giảm giá 25% của giá niêm yết cho khách mua hàng. Cửa hàng vẫn được lãi 20% của giá nhập về đối với mỗi chiếc xe đã bán ra. Tính giá nhập về và giá niêm yết của một chiếc xe đạp, biết rằng với mỗi chiếc xe đạp bán ra như thế cửa hàng tính toán lãi được 600.000 đồng.

**----------------HẾT----------------**